

Bản án số: **188/2017/DS-PT**

Ngày: 19-12-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng đầu tư
trồng và mua bán mía nguyên liệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Huỳnh Đức Khải.

2/- Ông Nguyễn Khánh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2017/QĐPT-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty X**. Địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A2, tỉnh Hậu Giang.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Y**; Chức vụ: Nhân viên Công ty (theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Z**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

* Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **W**. Địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2017). (có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông **W** là người đại diện hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

1- Nguyên đơn Công ty X, do ông Y là người đại diện hợp pháp trình bày:
Vào ngày 01/4/2015, Công ty X với ông Z có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu niên vụ 2015 - 2016. Hợp đồng được chính quyền địa phương xác nhận ngày 01/6/2015. Theo hợp đồng Công ty X đầu tư cho ông Z số tiền mặt

20.000.000đồng, để trồng 4ha mía. Ngược lại, khi đến vụ thu hoạch mía, ông Z phải bán mía cho Công ty X và hoàn trả tiền vốn đầu tư (gồm vốn gốc và lãi). Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/11/2015.

Thực hiện hợp đồng ngày 13/7/2015, Công ty X đã chi cho ông Z số tiền 20.000.000đồng. Tuy nhiên, đến vụ mía năm 2015, ông Z không bán mía cho Công ty X mà bán cho thương lái và cũng không trả lại tiền vốn đầu tư. Ngày 24/8/2016, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ. Theo biên bản xác nhận nợ, ông Z xin được trả nợ bằng mía nguyên liệu trong vụ 2016 - 2017, trường hợp hai bên không thỏa thuận được giá mía thì trả bằng tiền mặt, thời hạn trả nợ đến ngày 30/12/2016, trả dứt điểm một lần, nếu ông Z không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày nhận tiền đầu tư cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Đến hạn thỏa thuận hai bên không thỏa thuận được giá mía và đến nay, ông Z cũng không trả lại tiền vốn đầu tư.

Nay Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Z trả lại tiền vốn đầu tư trồng mía 20.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày nhận tiền đầu tư (ngày 13/7/2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2- Bị đơn ông Z, do ông W là người đại diện hợp pháp trình bày: Ông Z thừa nhận có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty X. Sau khi ký hợp đồng, ông Z đã nhận tiền đầu tư đầy đủ. Thực hiện hợp đồng, đến vụ mía năm 2015, ông Z đã nhiều lần liên hệ Công ty X để yêu cầu thu mua mía, nhưng phía Công ty X không tiến hành thu mua. Thời điểm này, ông Z biết được là Công ty X ngừng hoạt động, ông Z phải bán mía cho thương lái, dẫn đến bị thua lỗ. Đến ngày 24/8/2016, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ, cụ thể là ông Z còn nợ Công ty X số tiền vốn đầu tư là 20.000.000đồng, nhưng thực chất là phía Công ty X tái đầu tư, thỏa thuận đến ngày 30/12/2016, ông Z trả nợ cho Công ty X bằng mía nguyên liệu. Tuy nhiên, đến hạn thỏa thuận hai bên không thống nhất được giá mía nên ông Z không bán mía cho Công ty X.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X là bên có lỗi bên ông Z không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST, ngày 10/8/2017 đã quyết định căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 và khoản 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty X. Buộc ông Z trả cho Công ty X số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng, tiền lãi chậm trả là 1.221.797đồng, tổng cộng là 21.221.797đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi một đồng, bảy trăm chín mươi bảy đồng)

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 25/8/2017, ông W là người đại diện hợp pháp của bị đơn Z kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng

không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là 1.221.797đồng theo như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo mà người đại diện hợp pháp của bị đơn đã rút tại phiên tòa về việc yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là 1.221.797đồng; Chấp nhận phần nội dung kháng cáo còn lại của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu cho bị đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Từ đó, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông W là người đại diện hợp pháp của bị đơn, là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Theo nội dung kháng cáo, người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là 1.221.797đồng theo như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo, theo đó bị đơn cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là 1.221.797đồng theo như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, nhưng yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng cho bị đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn là người cao tuổi và cũng có đơn xin miễn án phí nộp cho Tòa án. Xét thấy, việc rút một phần nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn như nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo này của người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[II] Về nội dung:

[1] Theo kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bị đơn ông Z được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm. Xét thấy ông Z sinh năm 1954, tại thời điểm khởi kiện ông Z được 63 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm việc người đại diện hợp pháp của ông Z yêu cầu cấp phúc thẩm cho ông Z được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Kiểm sát viên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo mà người đại diện hợp pháp của bị đơn đã rút tại phiên tòa và chấp nhận phần nội dung kháng cáo còn lại của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu cho bị đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Sau khi đã thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm do có tình tiết mới.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Z cũng được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phúc thẩm như phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 3 Điều 284, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là 1.221.797đồng.

2/- Chấp nhận phần nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng cho bị đơn được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3/- Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng được tuyên lại như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty X. Buộc ông Z trả cho Công ty X số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000đồng, tiền lãi chậm trả là 1.221.797đồng, tổng cộng là 21.221.797đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Z được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Công ty X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0004221 ngày 13/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Z được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA.DS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

Đã ký

Phạm Hùng Nuôi